

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ THEO HƯỚNG CÔNG BẰNG

HOÀNG ANH TUYỀN*

Tóm tắt: Các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều đặt ra chủ trương, yêu cầu bảo đảm tố tụng tư pháp công bằng. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự theo hướng công bằng để bảo đảm công bằng trong xây dựng, soạn thảo, quy định và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong thực tiễn.

Từ khóa: Chính sách pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng hình sự công bằng, công lý

Ngày nhận bài: 01/8/2024; Biên tập xong: 12/8/2024; Duyệt đăng: 26/8/2024

COMPLETING THE CRIMINAL PROCEDURAL LAW POLICY TOWARDS FAIRNESS

Abstract: The Party's Resolutions on judicial reform, continuing to establish and complete the Vietnamese socialist rule-of-law state all set out the policies and requirements to ensure the fair judicial proceedings. Therefore, it is necessary to continue to research and improve the criminal procedural law policy towards fairness to ensure the fairness in building, drafting, regulating and applying criminal procedural law in practice.

Keywords: Criminal procedural law policy, fair judicial proceedings, justice

Received: Aug 01st, 2024; **Editing completed:** Aug 12th, 2024; **Accepted for publication:** Aug 26th, 2024

1. Đặt vấn đề

Tố tụng hình sự (TTHS) công bằng là một trong những giá trị được nhân loại thừa nhận một cách rộng rãi trong thời đại ngày nay, giá trị đó được ghi nhận trong nhiều học thuyết, nhiều tác phẩm kinh điển, được ghi nhận phổ biến trong pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Việc ghi nhận và thực hiện trên thực tế ở một mức độ nào đó phản ánh tính dân chủ, tính ưu việt của một Nhà nước, một chế độ xã hội. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra yêu cầu: “Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Đây là những định hướng, yêu cầu cho việc xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật TTHS theo hướng công bằng.

2. Quan niệm về chính sách pháp luật tố tụng hình sự theo hướng công bằng

2.1. Quan niệm về chính sách pháp luật tố tụng hình sự

Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều quan điểm

khác nhau về khái niệm “chính sách pháp luật” nói chung, chính sách pháp luật hình sự cũng như chính sách pháp luật TTHS nói riêng. Theo GS.TSKH. Đào Trí Úc, “Chính sách pháp luật là những nguyên tắc, đường hướng cơ bản được Đảng và Nhà nước hoạch định đối với từng giai đoạn phát triển nhất định của đất nước nhằm tạo ra những cơ sở đúng đắn cho việc sử dụng một cách có hiệu quả các khả năng điều chỉnh của pháp luật; nhằm xác định đúng đắn tổ chức và hoạt động của các cơ quan pháp luật và nhằm xây dựng ở mỗi người dân ý thức và lối sống tuân theo pháp luật”¹. Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh, các tư tưởng, quan điểm, mục đích chỉ là tiền đề của chính sách pháp luật, chưa phải là chính sách pháp luật. Các tư tưởng, quan điểm, mục tiêu, chiến lược, sách lược, định hướng, chương trình, kế hoạch... chỉ là cơ sở của chính sách pháp luật, là yếu tố của hệ tư tưởng pháp luật. Chính sách pháp luật là hoạt động định hướng về tư tưởng, về mục đích, dựa vào những tư tưởng, quan điểm, dự định nào đó và thực hiện các tư tưởng, quan điểm nhất định nhưng không phải là các tư tưởng, quan điểm².

* Email: Tuyenha@tks.edu.vn

Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

¹ Đào Trí Úc, Luật Hình sự Việt Nam, Quyển I: Những vấn đề chung, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020, tr.176.

² Võ Khánh Vinh, “Chính sách pháp luật: Khái niệm và các

Như vậy, theo các khái niệm trên, chính sách pháp luật nói chung, chính sách pháp luật hình sự nói riêng chính là hệ thống các tư tưởng, quan điểm, nguyên tắc, định hướng cơ bản của Đảng và Nhà nước trong xây dựng và thực hiện pháp luật nhằm đạt được các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra trong từng thời kỳ. Chính sách pháp luật chính là sự cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, tư tưởng, đường lối của Đảng và Nhà nước trong hệ thống pháp luật và bảo đảm cho các quan điểm, tư tưởng, đường lối này được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội. Chính sách pháp luật không chỉ là nền tảng, là linh hồn, là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, mà còn là nguyên tắc, định hướng thực hiện pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống. GS.TS. Võ Khánh Vinh xác định các nguyên tắc của chính sách pháp luật hình sự nói chung (mà có thể áp dụng cho chính sách pháp luật TTHS) gồm có: i) Tính được lập luận khoa học; ii) Tính hệ thống; iii) Tính nhất quán; iv) Tính hướng đích; v) Tính dự báo; vi) Tính hiện thực³.

Chính sách pháp luật TTHS là một loại của chính sách hình sự nhằm xác định những phương hướng cơ bản có tính chất chỉ đạo, chiến lược của Nhà nước trong hoạt động lập pháp và áp dụng pháp luật TTHS, bảo đảm sự ổn định của hệ thống pháp luật TTHS, tăng cường việc bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân, cũng như các lợi ích hợp pháp của xã hội và của Nhà nước bằng pháp luật TTHS (nói riêng), đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm bằng hệ thống tư pháp hình sự (nói chung)⁴. Dựa vào khái niệm chính sách pháp luật có thể hiểu chính sách pháp luật TTHS là hệ thống các tư tưởng, quan điểm, định hướng cơ bản trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật TTHS nhằm đạt được mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra trong từng thời kỳ.

Chính sách pháp luật TTHS mang tính định hướng, chỉ đạo được thể hiện trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng; và thể hiện tập

trung, rõ nét nhất trong các quy định mang tính nền tảng, nguyên tắc trong Hiến pháp, trong các quy định chung được gọi là các nguyên tắc của TTHS trong Bộ luật Tổ tụng hình sự (BLTTHS) và trong Luật tổ chức các cơ quan tư pháp, cơ quan bảo vệ pháp luật.

Ngày nay, khi quá trình dân chủ hóa phát triển sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, một Nhà nước pháp quyền cần phải đưa ra các chính sách hướng tới sự dân chủ, nhân đạo, công bằng, bình đẳng, công khai, minh bạch, nhất là đối với chính sách pháp luật TTHS, do chính sách này liên quan đến trách nhiệm hình sự và sự tự do cũng như các quyền thiết thân của con người. Chính sách pháp luật TTHS hướng tới công bằng không chỉ là đòi hỏi xuất phát từ thực tiễn, mà còn là yêu cầu, mục đích hướng tới xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, tôn trọng tính tối thượng của pháp luật, bảo đảm chủ quyền và quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

2.2. Quan niệm về tổ tụng hình sự công bằng

Trong tiếng Việt, khi nói tới công bằng, người ta thường liên tưởng đến “sự bằng nhau”, tức sự bình đẳng. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “bình đẳng” được định nghĩa là sự được đối xử như nhau về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa không phân biệt thành phần và địa vị xã hội, trong đó trước tiên và cơ bản nhất là bình đẳng trước pháp luật⁵. Công bằng và bình đẳng tuy có liên quan với nhau, nhưng đó là hai khái niệm khác nhau. Công bằng có khía cạnh bình đẳng, đồng thời có khía cạnh bất bình đẳng. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân trước pháp luật; bình đẳng về nhân phẩm, chủng tộc, giới tính, tín ngưỡng tôn giáo chống lại mọi sự kỳ thị, phân biệt đối xử là những yêu cầu của công bằng xã hội. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng về hưởng thụ do sự không ngang nhau về phẩm chất và năng lực trong lao động, cống hiến cũng là một yêu cầu của công bằng xã hội⁶.

Theo các học giả phương Tây, công bằng là một trong những đặc trưng cơ bản và quan trọng nhất của Công lý. John Rawls⁷ trong cuốn sách tựa đề *Lý thuyết về Công lý*⁸ đã đưa ra

dấu hiệu”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, số 11/2015.

³ Võ Khánh Vinh, “Vận động hành lang - Nhìn từ góc độ chính sách pháp luật”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 04 (50)/2021, tr.12.

⁴ Lê Văn Cẩm, Hoàng Tám Thi, “Chính sách pháp luật tổ tụng hình sự và chế định các nguyên tắc của Luật Tổ tụng hình sự Việt Nam”, *Ấn phẩm An ninh xã hội của Tạp chí Công an nhân dân*, số 10/2017, tr.61.

⁵ Từ điển Bách khoa Việt Nam xuất bản năm 1995.

⁶ Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái, “Thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay - Mâu thuẫn và phương pháp giải quyết”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 04/2008, tr.53-60.

⁷ J. Rawls (1921 - 2002) là nhà triết học chính trị người Mỹ thuộc trào lưu chủ nghĩa tự do.

⁸ John Rawls, *A Theory of Justice*, Nxb. Đại học Harvard, 1971.

lập luận rằng công lý chính là một dạng thức thể hiện ra bên ngoài từ sự công bằng. Rawls dùng thuật ngữ “justice” với cả nghĩa công lý và công bằng (công bằng xã hội), ở một khía cạnh nhất định, công lý được đồng nhất với công bằng, trong đó có thể hiểu “công lý là cái gốc của công bằng”, công bằng phải xuất phát từ công lý để “hiếu và cư xử với mọi người như nhau, không thiên vị”⁹.

Công lý thường được tiếp cận từ hai góc độ: Nội dung và hình thức (thủ tục). Công lý, tiếp cận từ góc độ nội dung, được gọi là “*substantive justice*” hay “*distributive justice*”, có nghĩa là sự phân phối công bằng các lợi ích, giải quyết thỏa đáng quyền lợi của các bên có liên quan. Công lý, tiếp cận từ góc độ hình thức (thủ tục), được gọi là “*procedural justice*”, có nghĩa là một quy trình giải quyết công bằng. Các nhà xã hội học, tâm lý học đã chỉ ra rằng khi tìm đến một quy trình giải quyết xung đột, các bên không chỉ quan tâm kết quả giải quyết như thế nào, có công bằng, đúng đắn hay không (công lý về nội dung), mà còn quan tâm rất lớn đến quy trình giải quyết, cách thức để đạt được kết quả (công lý về thủ tục) và họ có xu hướng tôn trọng, tuân thủ hơn phán quyết do người giải quyết xung đột đưa ra nếu họ cảm thấy quy trình giải quyết công bằng, tức là đạt được công lý từ góc độ thủ tục.

Vì vậy, có thể thấy công bằng trong hoạt động TTHS đã trở thành một nguyên tắc và là một tiêu chuẩn trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật TTHS; công bằng cũng là mục tiêu của một xã hội văn minh. Tính công bằng đó được thể hiện không chỉ thông qua các phán quyết của tòa án, mà còn ở sự công bằng, bình đẳng của các bên tham gia trước các thủ tục tố tụng, bảo đảm sự tiếp cận công lý ngang nhau giữa các bên tham gia¹⁰.

Công bằng là nền tảng chính trị và pháp lý, trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất của hệ thống tư pháp hình sự của nhiều quốc gia. Đây còn được xem là một nguyên tắc nền tảng mà từ đó hình

thành nên các nguyên tắc khác nhau trong thủ tục TTHS như nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc suy đoán vô tội hay nguyên tắc về quyền được bào chữa. Công bằng không chỉ đúng đối với các hệ thống tư pháp tranh tụng, nơi mà việc đảm bảo công bằng trong thủ tục tố tụng đã trở thành vấn đề mang tính nguyên tắc cơ bản, mà cũng là một trong những mục tiêu hướng tới của hầu hết các nước có hệ thống tư pháp thẩm cứu. Sự bảo đảm của Nhà nước là không thể thiếu để thực hiện công bằng trong TTHS trên thực tế. Tại một số quốc gia, nhất là các nước có hệ thống tố tụng theo thủ tục công bằng, công bằng vừa là mục tiêu vừa là phương tiện chủ yếu để đạt được công lý đúng đắn cuối cùng trong tranh tụng. Do đó, các quy định pháp luật của Nhà nước để đảm bảo thực hiện quyền im lặng cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; quyền được đưa ra trước một thẩm phán tòa án để xem xét việc bắt và quyết định việc tại ngoại; quyền có luật sư đại diện; quyền bình đẳng về mặt quyền năng giữa cơ quan công tố và luật sư bào chữa; hay quyền có một phiên tòa công bằng. BLTTHS Cộng hòa Pháp quy định “*TTHS phải đảm bảo các nguyên tắc về công bằng và tranh tụng, duy trì sự cân bằng về quyền giữa các bên*”. Tuy chỉ là một quy định khá ngắn gọn nhưng bản thân nội dung của quy định này đã bao gồm ý nghĩa nội hàm rất lớn. Chỉ có tố tụng công bằng, bình đẳng khi tư pháp được thật sự độc lập, thủ tục tố tụng nhanh chóng, tiết kiệm, không rườm rà¹¹. Hệ thống tư pháp hình sự Mỹ đã xác định tư tưởng chủ đạo là đảm bảo việc xét xử công bằng, bình đẳng đối với bị cáo trước pháp luật; được ghi nhận tại Tu chính pháp số XIV với nội dung như sau: “*Không ai bị tước đoạt quyền sống và quyền tự do mà thiếu đi thủ tục tố tụng công bằng, bình đẳng*”. Với tư tưởng chủ đạo này, quyền xét xử công bằng, bình đẳng thể hiện mối liên hệ mật thiết với các quyền cơ bản khác, như quyền được thông tin, quyền được xem xét bằng một phiên tòa công khai, quyền được đảm bảo bởi những phán quyết hợp lý, đưa ra những chứng cứ có lợi và bác bỏ những chứng cứ bất lợi, quyền được tham gia tất cả các giai đoạn của tiến trình tố tụng...

Rất nhiều quyền nêu trên đã trở thành các tiêu chuẩn quốc tế thể hiện trong các điều ước quốc tế có giá trị bắt buộc thi hành tại các quốc gia thành viên. Công ước Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị coi đây

⁹ John Rawls, tldđ, tr.68.

¹⁰ Nguyễn Hòa Bình (2023), *Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*, https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-xay-dung-nen-tu-phap-viet-nam-chuyen-nghiep-hien-dai-cong-bang-nghiem-minh-liem-chinh-phung-su-to-quoc-phuc-vu-nhan-dan, truy cập ngày 22/7/2024.

¹¹ Điều 1 BLTTHS Cộng hòa Pháp.

là một trong những quyền cơ bản của con người¹², hay Hiệp định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến khía cạnh thương mại (TRIPs)¹³ cũng quy định về vấn đề đảm bảo thủ tục công bằng trong việc giải quyết các vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, các quốc gia khác nhau phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật mà có các cách thức khác nhau trong việc thực hiện pháp luật TTTHS theo hướng công bằng. Trong khi hệ tranh tụng có ưu điểm là thủ tục thiên về xu hướng công bằng hơn thì hệ thẩm cú lại có ưu điểm là tác dụng tích cực trong việc kiểm soát tội phạm đồng thời với việc đảm bảo thực hiện công bằng trong TTTHS.

3. Một số đề xuất xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật tố tụng hình sự theo hướng công bằng

Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 khẳng định: “Mọi người đều bình đẳng trước các Tòa án và cơ quan tài phán. Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng, công khai” (Điều 14). Ở nước ta, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 16); “Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai” (Điều 31). Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, BLTTTHS năm 2015 bổ sung công bằng trong nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai với nội dung “Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng” (Điều 25). Như vậy, tiến trình phát triển của tư pháp tiến bộ ở Việt Nam đã tiếp cận “công bằng trong xét xử” là quyền cơ bản của con người và đã được hiến định trong Hiến pháp năm 2013 và cụ thể trong BLTTTHS năm 2015.

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân là mục tiêu tổng quát mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta hướng tới đòi hỏi phải bảo đảm sự công bằng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có TTTHS. Hoàn thiện chính sách pháp luật TTTHS theo hướng công bằng không chỉ là mục tiêu của chính sách mà

còn phải xem xét công bằng trong việc áp dụng luật, việc thực thi luật bởi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; xem xét công bằng trong việc xây dựng, soạn thảo luật; và xem xét công bằng trong chính bản chất, chính nội dung của pháp luật TTTHS.

Công bằng trong việc thi hành luật đòi hỏi việc thi hành, áp dụng pháp luật TTTHS của các cơ quan có tham gia tiến hành tố tụng, người có tham gia tiến hành tố tụng phải bảo đảm không thiên vị, đối xử với mọi cá nhân như nhau, không trọng ai hơn ai, không thiên vị nhóm, không thừa nhận các đặc quyền trước pháp luật. Những đối tượng yếu thế như người có hạn chế về thể chất và tâm thần, người chưa thành niên, trẻ em, phụ nữ có thai, người dân tộc thiểu số... phải là những đối tượng ưu tiên, quan tâm đặc biệt trong cả việc hoạch định chính sách, xây dựng và thi hành pháp luật TTTHS.

Công bằng trong việc xây dựng, soạn thảo pháp luật TTTHS đòi hỏi việc xây dựng, soạn thảo luật phải đúng người, đúng cách và đúng mục đích. Mục đích của việc xây dựng, soạn thảo pháp luật TTTHS phải vì lợi ích chung, chứ không vì lợi ích của bất kỳ nhóm lợi ích nào (chống lợi ích nhóm trong xây dựng, soạn thảo luật). Việc xây dựng, soạn thảo pháp luật TTTHS, nhất là BLTTTHS phải thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn dân; chủ thể có thẩm quyền, tham gia vào việc xây dựng, soạn thảo luật phải là những người đại diện, thể hiện được ý chí và nguyện vọng này theo quy trình lựa chọn, phân công nhiệm vụ chặt chẽ, phù hợp. Pháp luật TTTHS được ban hành theo quy trình pháp lý chuẩn mực, trong khuôn khổ thẩm quyền và quyền hạn được Hiến pháp và luật quy định cho người soạn thảo, xây dựng luật, thể hiện đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp. Nếu vi hiến, nó là một luật gần như phi pháp hoặc một luật bất công¹⁴. Bảo đảm công bằng trong thực chất của pháp luật tố tụng được xây dựng đòi hỏi ở hai khía cạnh: Thứ nhất, có một tiêu chuẩn về không thiên vị ngay trong cách diễn đạt luật và trong cách trình bày diễn giải luật; Thứ hai, tiêu chuẩn về các quyền tự nhiên yêu cầu rằng luật phải phù hợp với các quyền tự nhiên của con người (những người tham gia tố

¹² Điều 9, 14. Công ước được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 16/12/1966 và chính thức có hiệu lực từ 23/03/1976. Việt Nam đã là thành viên của Công ước này từ năm 1982.

¹³ Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới từ ngày 15/01/2008. Theo đó, Việt Nam phải có nghĩa vụ tuân thủ Hiệp định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến khía cạnh thương mại (TRIPs) này.

¹⁴ Mortimer J. Adler, Phạm Viêm Phương dịch (2022), *Tinh công bằng của luật*, http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/triet-hoc-xa-hoi/tinh-cong-bang-cua-luat_1194.html, truy cập ngày 22/7/2024.

tụng, nhất là người bị buộc tội phải được đối xử như một con người, như nhân vị, có phẩm giá giống như mọi người khác).

Tuy nhiên khi xây dựng và áp dụng pháp luật cần phải lưu ý, áp dụng luật một cách nghiêm ngặt cứng nhắc cho vụ việc, có thể đi tới sự bất công lớn hơn so với việc dùng áp dụng luật gì cả. Theo Aristoteles - một nhà triết học và bác học người Hy Lạp cổ đại, trong quyển *Ehtics* (bàn về công bằng), chương nói tiếng về bình đẳng, ông cho rằng: “Điều hợp tình hợp lý thì chính đáng, nhưng không chính đáng về mặt pháp lý mà tựa như một sự điều chỉnh trong công bằng pháp lý”. Lý do là ở chỗ “Mọi luật đều phổ quát. Nhưng với một số việc ta không thể đưa ra một phát biểu phổ quát mà lại luôn đúng. Vì vậy, khi luật quy định một cách phổ quát và các trường hợp phát sinh từ đó vốn không được bao hàm trong quy định phổ quát, thì lúc đó, ở chỗ nào mà nhà lập pháp không dự trù sẵn được cho ta và đã phạm lỗi sai do quá đơn giản hóa vấn đề, ta hoàn toàn đúng khi sửa chữa chỗ khiếm khuyết đó, nghĩa là, phát biểu những gì mà chính nhà lập pháp hẳn sẽ nói nếu ông có mặt trước trường hợp này. Ông ta hẳn sẽ sắp đặt luật theo cách đó nếu ông ta biết được tình huống đó”. Từ đó cho thấy “điều hợp tình hợp lý thì chính đáng và tốt hơn tính công bằng chỉ theo một kiểu, không tốt hơn công bằng tuyệt đối, nhưng tốt hơn so với lỗi sai vốn phát sinh từ sự tuyệt đối trong việc áp dụng công lý trong trường hợp này. Đây là bản chất của sự hợp tình hợp lý, một sự điều chỉnh luật ở chỗ nó bị khiếm khuyết vì tính tổng quát của nó.”¹⁵

Bảo đảm công bằng trong TTHS ngoài sự ưu việt tự nhiên của nó, còn có thể đem lại những tác động tích cực tới chất lượng, hiệu quả của quá trình tố tụng. Để pháp luật TTHS theo hướng công bằng được đảm bảo và phát huy đầy đủ thì không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý của nước ta. Trong đó, sự bảo đảm của Nhà nước là không thể thiếu để hoàn thiện chính sách pháp luật TTHS. Riêng đối với việc áp dụng pháp luật TTHS thì yếu tố quan trọng nhất để thực thi chính sách này theo hướng công bằng là việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm. Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tính đúng đắn của việc tố

chức thực thi chính sách hình sự tố tụng. Nếu đạt được sự tự nhận thức như trên trong quá trình ra quyết định, không ai tạo bất kỳ ảnh hưởng nào lên người khác và không ai có các mối quan tâm đặc biệt nào đối với sự việc thì nhờ đó sẽ có được công lý dựa trên sự công bằng và sẽ loại trừ mọi sự thiên vị cá nhân trong các quyết định tố tụng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
2. Từ điển Bách khoa Việt Nam Tập 1, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 1995.
3. Đào Trí Úc, *Luật Hình sự Việt Nam, Quyển I: Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
4. Võ Khánh Vinh, “Chính sách pháp luật: Khái niệm và các dấu hiệu”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, số 11/2015.
5. Võ Khánh Vinh: “Vận động hành lang - Nhìn từ góc độ chính sách pháp luật”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 04/2021.
6. Lê Văn Cẩm, Hoàng Tám Thi, “Chính sách pháp luật tố tụng hình sự và chế định các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự Việt Nam”, *Ấn phẩm An ninh xã hội của Tạp chí Công an nhân dân*, số 10/2017.
7. Phạm Xuân Nam, “Về khái niệm Công bằng xã hội”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 01/2008.
8. Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái, “Thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay - Mâu thuẫn và phương pháp giải quyết”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 04/2008.
9. Nguyễn Hòa Bình, *Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*, https://tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/tiep-tuc-xay-dung-nen-tu-phap-viet-nam-chuyen-nghiep-hien-dai-cong-bang-nghiem-minh-liem-chinh-phung-su-to-quoc-phuc-vu-nhan-dan, truy cập ngày 22/7/2024.
10. Công ước Liên hợp quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.
11. Hiệp định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến khía cạnh thương mại (TRIPs).
12. Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp.
13. John Rawls, *A Theory of Justice*, Nxb. Đại học Harvard, 1971.
14. Mortimer J. Adler (1902-2001), Phạm Viêm Phương và Mai Sơn dịch, *Tính công bằng của luật*, Nes Education & Nxb. Hồng Đức, 2019.

¹⁵ Mortimer J. Adler, Phạm Viêm Phương dịch (2022), ttdđ.